

HỢP TÁC VIỆT NAM - CĂMPUCHIA CHO MỤC ĐÍCH QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG

NGUYỄN DUY THIỆU*

Việt Nam và Cămpuchia là hai nước láng giềng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau về nhiều mặt, trước tiên là về môi trường sinh thái. Tính chất liên đới chặt chẽ của vấn đề môi trường, tự thân nó bắt buộc hai nước phải hợp tác chặt chẽ với nhau nếu như mỗi nước muốn hướng quá trình phát triển đất nước mình theo hướng bền vững. Trên một cái nhìn tổng quát, hợp tác Việt Nam - Cămpuchia cho mục đích bảo vệ môi trường, trong giai đoạn hiện tại, có thể ưu tiên tập trung các dự án trong ba khu vực sinh thái chính sau đây.

1. Hợp tác phát triển nông, lâm, ngư nghiệp trong mối quan hệ với việc quản lý và bảo vệ môi trường bền vững tại khu vực biên giới.

Việt Nam và Cămpuchia là hai quốc gia láng giềng có chung hơn 1000km đường biên giới trên bộ. Đại bộ phận đường biên giới trên bộ giữa hai nước là núi rừng. Như chúng ta đều biết, càng vào phía nam, nhất là khi đến khu vực Tây Nguyên, dãy Trường Sơn nghiêng dần về phía tây và hạ thấp độ cao, ở sát biên giới Việt Nam - Lào - Cămpuchia độ cao chỉ còn 200m. Thực ra, xét theo hệ sinh thái, thì khu vực Tây Nguyên của Việt Nam chỉ là một bộ phận của cao nguyên (plateau) Trung Đông Dương rộng lớn, bao gồm: Tây Nguyên (Việt Nam); Nam, Hạ Lào và Đông - Bắc Cămpuchia. Chính điều kiện địa lý tự nhiên này, đã đặt tiền đề thuận lợi cho việc nối liền hai hành lang Đông, Tây và mở ra hệ thống đường xuyên Á. Cũng cần phải nhấn mạnh rằng do địa hình kiến tạo như vừa đề cập, nên vùng Nam, Hạ Lào thông thương với vùng thấp của Lào rất khó khăn, tương tự, vùng Đông - Bắc Cămpuchia thông thương với

*TS. Bảo tàng Dân tộc học.

các vùng thấp khác của nước này rất khó khăn... Nhưng cũng do địa hình kiến tạo quy định nên hai khu vực trên đây dễ dàng thông thương hơn với khu vực đồng bằng ven biển miền Trung Việt Nam để ra biển Đông.

Theo các nhà khoa học, cao nguyên Trung Đông Dương là mái nhà chung cho toàn bộ khu vực Đông Dương. Rừng tại đây không chỉ đảm bảo việc điều hoà khí hậu khu vực mà nó còn tác động tới những khu vực rộng lớn khác. Ngoài chức năng điều hoà khí hậu khu rừng nhiệt đới này còn là khu vực đa dạng sinh học.

Về thực vật theo thống kê chưa đầy đủ đã có tới 63 họ, 157 chi, 418 loài thực vật bậc cao. Điển hình là họ Dầu, Mộc lan, Ba mảnh vỏ, Cánh bướm, Thông, Re, Tre nứa. Trữ lượng gỗ lớn trong đó có nhiều loài cây quý hiếm như: Trắc, Cẩm lai, Giáng hương, Gỗ đỏ, Pơ mu. Thông tre, Thông 5 lá... Chỉ riêng khu bảo tồn thiên nhiên Chư Mom Ray bước đầu đã phát hiện được 24 loài thực vật quý hiếm được ghi trong sách đỏ cần bảo vệ.

Về động vật rừng, khảo sát bước đầu ở Chư Mom Ray các nhà khoa học đã thống kê được 352 loài, trong đó có 44 loài quý hiếm có trong sách đỏ cần bảo vệ. Đặc biệt khu vực này được xác định là nơi trú ngụ cuối cùng của loài Hổ ở Đông Dương, các nhà khoa học cũng đang lần tìm theo dấu vết nhằm tìm kiếm loài bò xám- một loài hầu như sắp tuyệt chủng.

Cộng đồng cư dân bản địa ở khu vực ngã ba biên giới là các hậu duệ của cư dân tiền Đông Dương (Proto- Indonesian). Đây là lớp cư dân cổ ở khu vực Đông Nam Á lục địa, mà theo như các nhà nghiên cứu cho mãi tới thời gian gần đây họ vẫn còn phôi ra nếp sống thời sơ sử. Nói một cách tóm lược nếp sống ấy có những nội dung chính như sau: làm nông nghiệp lúa khô; phát rừng làm rẫy; xã hội tự quản ở trình độ thấp, xã hội ở cấp độ buôn làng ấy vận hành theo luật tục; người bản địa theo tín niệm đa thần giáo và thực hành các nghi lễ nông nghiệp rất phong phú và phức tạp... Dưới cách nhìn bảo tồn văn hoá các sắc tộc thì các hình thức văn hoá vật thể và phi vật thể của người bản địa là những di sản quý giá, nhưng dưới cách nhìn phát triển thì việc giải quyết các vấn đề phát sinh trong mối quan hệ giữa nếp sống cổ truyền thấp kém ấy với nếp sống của đời sống xã hội hiện đại... đang đặt ra cho các nhà thiết lập chính sách cũng như các nhà chỉ đạo và hoạt động thực tiễn nhiều thách thức. Đặc biệt phương thức đốt rừng làm rẫy của người bản địa cùng với việc khai thác rừng bừa bãi để lấy gỗ, để trồng các loại cây công nghiệp đang làm cho diện tích rừng ở khu vực này giảm sút trầm trọng. Việc giảm sút diện tích rừng đe dọa làm mất cân bằng sinh thái gây ra thiên tai ngày càng nặng nề, làm cho đất trồng trọt bị suy thoái, nguồn lợi bị cạn kiệt, đặc biệt là nguồn lợi vô giá từ sự đa dạng sinh học của khu vực.

Do ý thức được vấn đề môi trường mà các các dự án hợp tác giữa Việt Nam và Campuchia về khoa học kỹ thuật, nông, lâm, ngư nghiệp luôn được đặt trong mối quan hệ với việc quản lý và bảo vệ môi trường bền vững tại khu vực biên giới.

Tháng 8 năm 2000, hai bên đã ký Hiệp định về hợp tác khoa học kỹ thuật nông, lâm, ngư nghiệp nhằm tăng cường trao đổi kinh nghiệm và hợp tác trên tất cả các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy lợi...; ngăn chặn khai thác và xuất khẩu gỗ trái phép; bảo vệ rừng và môi trường, sinh thái vùng biên; hỗ trợ phát triển bền vững nguồn lợi thủy sản; quy hoạch và sử dụng chung nguồn nước khu vực biên giới; khuyến khích các địa phương thực hiện các hoạt động hợp tác nông nghiệp và phát triển nông thôn...

Trong những năm qua Việt Nam đã duy trì tốt quan hệ hợp tác với Campuchia, tổ chức các đoàn của Campuchia, tham quan học tập kinh nghiệm về thủy lợi và nông nghiệp, học tập chương trình phòng trừ sâu bệnh tổng hợp, trao đổi về nghiên cứu cao su và khuyến khích các công ty hai bên hợp tác trồng và chế biến cao su, giúp Campuchia một số giống cây trồng...

Giữa hai bên đã có những tiến triển tốt trong hợp tác khảo sát để đề xuất qui chế quản lý và sử dụng nguồn nước trên sông suối biên giới giữa hai nước. Nhóm chuyên viên hỗn hợp hai bên đã được thành lập và có cuộc họp vào tháng 11 năm 2001 để nhất trí về cơ chế làm việc và chương trình hoạt động, trao đổi trên tinh thần thiện chí, hiểu biết lẫn nhau về việc tu sửa một số công trình thủy lợi gần biên giới. Hai bên sẽ trao đổi thông tin kết quả khảo sát của mỗi bên và phân công trách nhiệm xây dựng dự thảo quy chế trong kỳ họp lần thứ hai sắp tới.

Campuchia cũng đánh giá cao sự phối hợp của Việt Nam trong việc ngăn chặn khai thác và vận chuyển gỗ trái phép giữa hai nước.

Có thể nói, trong những năm qua, Việt Nam đã hỗ trợ Campuchia một số giống cây trồng, vật nuôi theo yêu cầu của phía Campuchia. Đương nhiên để các địa phương sử dụng giống cây trồng và vật nuôi được hỗ trợ này một cách có hiệu quả, đã có những ý kiến cho rằng phía Việt Nam nên cử chuyên gia sang trao đổi kỹ thuật canh tác, khuyến nông và chuyển giao kỹ thuật canh tác khuyến nông và chuyển giao kỹ thuật theo đề nghị của phía Campuchia. Cũng có những ý kiến cho rằng: hợp tác nông nghiệp nên tập trung trước hết vào vùng giáp biên giới hai nước, ưu tiên các dự án thủy lợi và giao kinh phí trực tiếp cho các tỉnh giáp ranh để họ tổ chức thực hiện việc hợp tác thì hiệu quả sẽ cao hơn.

2. Hợp tác khai thác hợp lý nguồn tài nguyên và quản lý môi trường trong tiểu vùng sông Mê Công.

Ngoài đường biên giới trên đất liền, quan hệ giữa Việt Nam và Campuchia còn được tạo dựng trên cơ sở của dòng sông Mê Công. Trước lúc vào Việt Nam để đổ ra biển Đông, sông Mê Công đã chảy qua lãnh thổ Trung Quốc, Myanma, Lào, Thái Lan, Campuchia.

Việt Nam là khu vực hạ lưu của sông Mê Công nhưng khu vực ngã ba biên giới cũng là một trong những lưu vực cung cấp nguồn nước cho dòng sông này. Nếu tính từ khu vực Nam Trường Sơn cho tới Tây Nguyên, thì diện tích và dân số các vùng thuộc lưu vực sông Mê Kông trên lãnh thổ Việt Nam và mối quan hệ của nó với các nước cận kề như sau:

TT	Lưu vực	Diện tích (Km ²)	Dân số (Người)	Liên đới với...
1	Sông Nậm Rốm (Lai Châu)	1.392	99700	Lào, Trung Quốc
2	Sêbang Hiêng (Quảng Trị)	1.345	40.300	Xavannakhet (Lào)
3	Sekong (Thừa Thiên-Huế)	1.128	30.400	Secong (Lào)
4	Sesan (Gialai- Kontum)	11.450	650.000	Xalavan (Lào), Ratanakiry (Cămpuchia)
5	Serepok (Đăklăk)	18.200	1.200.000	Attapur (Lào), Ratanakiry (Cămpuchia)
6	Đồng bằng sông Cửu Long	39.000	10.500.000	Cămpuchia
	Tổng cộng	72.515	20.700.000	

Dòng chảy Nậm Rốm từ Việt Nam ngược lên Lào rồi ra sông Mê Công còn các con sông Sêbang Hiêng, Sêcong, Sesan, Sêrêpok không hướng về phía đông mà quay về phía tây đổ vào sông Mê Kông qua lãnh thổ Lào, Cămpuchia rồi mới qua Đồng bằng sông Cửu Long để ra biển Đông. Hệ thống thủy văn này càng làm cho các vùng lãnh thổ thuộc các nước trong lưu vực có quan hệ bền chặt.

Bởi tính liên đới như vừa nói mà việc khai thác các nguồn lợi trong tiểu vùng, ở mỗi nước có thể làm phát sinh những tác hại tiêu cực- trước hết gây tác hại đến môi trường - tới các nước khác. Để khai thác hợp lý các nguồn lợi trong tiểu vùng và hạn chế các tác động tiêu cực của chúng, các nước trong khu vực cần phải hợp tác chặt chẽ với nhau. Việc hợp tác giữa Việt Nam và Cămpuchia nhằm quản lý và bảo vệ môi trường lâu bền trong tiểu vùng sông Mê diễn ra trong khuôn khổ đa phương và song phương. Việc hợp tác đa phương được thực hiện trong nhiều loại hình khuôn khổ.

- Ủy hội sông Mê Công (MRC), là tổ chức liên chính phủ gồm 4 nước Cămpuchia, Lào, Thái Lan và Việt Nam được thành lập theo Hiệp định Hợp tác Phát triển bền vững lưu vực sông Mê Công ký năm 1995. Lĩnh vực hợp tác: phát triển tài nguyên nước và các tài nguyên liên quan đến nước (tưới, nông nghiệp, phòng chống lũ, lâm nghiệp, thủy sản, thủy điện, giao thông thủy, du lịch ...) trong lưu vực sông Mê Công. Cơ quan trong nước được giao là đầu mối: Ủy ban sông Mê Công Việt Nam (gồm 8 ngành và 5 tỉnh thành viên, do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT làm Chủ tịch).

Trong khuôn khổ Ủy hội sông Mê Công, 4 nước thành viên (Cămpuchia, Lào, Thái Lan, Việt Nam) đã đề ra chiến lược với tầm nhìn là xây dựng một lưu vực sông Mê Công phồn thịnh về kinh tế, công bằng về xã hội và lành mạnh về môi trường. Để đạt được sự phát triển bền vững, 4 nước đã cam kết và đang cùng nhau xây dựng một quy hoạch chung phát triển lưu vực sông Mê Công và xây dựng các quy chế, thủ tục để chia sẻ và sử dụng nước hệ thống sông Mê Công một cách công bằng và hợp lý. Các quy chế và thủ tục bao gồm: thủ tục về chia sẻ và trao đổi thông tin số liệu, thủ tục về theo dõi sử dụng nước, thủ tục

về thông báo trao đổi trước và thoả thuận về đề nghị sử dụng nước, quy chế về duy trì dòng chảy trên dòng chính, và quy chế về chất lượng nước

- Hợp tác Tiểu vùng Mê Công mở rộng (GMS). Đây là chương trình hợp tác gồm 6 nước: Trung Quốc, Miến Điện, Lào, Thái Lan, Campuchia và Việt Nam do Ngân hàng Phát triển Á châu khởi xướng từ năm 1992. Lĩnh vực hợp tác: các dự án phát triển kinh tế trong 7 lĩnh vực (hạ tầng giao thông, năng lượng, viễn thông, du lịch, thương mại và đầu tư, phát triển nguồn nhân lực, môi trường) trong phạm vi 5 nước có sông Mê Công chảy qua và tỉnh Vân Nam Trung Quốc. Cơ quan đầu mối trong nước: Bộ Kế hoạch-Đầu tư.

- Hợp tác ASEAN phát triển lưu vực sông Mê Công (AMBDC). Đây là sáng kiến do Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ năm (12/1995) đưa ra. Mục tiêu hợp tác: tăng cường liên kết kinh tế - thương mại giữa các nước thành viên ASEAN, nhất là các nước trong lưu vực sông Mê Công trong các lĩnh vực như phát triển hạ tầng cơ sở, thương mại, đầu tư, du lịch và phát triển nguồn nhân lực. Cơ quan đầu mối trong nước: Bộ Kế hoạch-Đầu tư.

- Hợp tác sông Hằng-Mê Công (MGC) gồm 5 nước Mê Công (Thái Lan, Lào, Campuchia, Việt Nam, Mianma) và Ấn độ (7/ 2000). Lĩnh vực hợp tác: du lịch, văn hoá, phát triển nguồn nhân lực, giao thông liên lạc. Cơ quan chính phía trong nước: Tổng Cục Du lịch, Bộ Văn hoá-Thông tin.

- Diễn đàn Phát triển toàn diện Đông Dương. Đây là sáng kiến do Thủ tướng Nhật Bản khởi xướng từ năm 1993. Diễn đàn có vai trò là cầu nối trao đổi thông tin, giới thiệu các cơ hội đầu tư-kinh doanh cho các nhà đầu tư nước ngoài, thúc đẩy viện trợ phát triển của cộng đồng quốc tế, nhất là Nhật Bản với các nước Đông Dương. Cơ quan đầu mối trong nước: Bộ Ngoại giao.

- Hợp tác phát triển liên vùng nghèo dọc hành lang Đông-Tây thuộc lưu vực sông Mê Công (WEC). Đây là sáng kiến của Việt Nam được Hội nghị cấp cao lần thứ 6 của ASEAN thông qua tại Hà Nội tháng 12/1998. Mục tiêu chính của WEC là xoá đói giảm nghèo, giảm bớt chênh lệch về phát triển trong và ngoài tiểu vùng. Lĩnh vực hợp tác: giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, khai thác và sử dụng tài nguyên, thương mại và dịch vụ, du lịch, hợp tác lao động, giao lưu văn hoá, môi trường và xã hội, và phát triển nguồn nhân lực. Cơ quan đầu mối trong nước: Bộ Kế hoạch-Đầu tư.

Hợp tác song phương. Ngoài các hoạt động hợp tác trong các tổ chức đa phương như vừa đề cập, khi mỗi nước triển khai các dự án kinh tế - xã hội tại các khu vực có thể trực tiếp gây ra những tác hại đối với nước khác cần phải thông báo cho nhau để hợp tác giải quyết. Như đã nói khu vực rừng tại ngã ba biên giới là khu rừng mái nhà chung của Đông Dương, vừa là khu vực tạo nguồn nước cho sông Mê Công vừa là kho tàng của sự đa dạng sinh học. Các hoạt động dân sinh để kiếm sống đang gây nên những tác hại tiêu cực tới vấn đề môi trường. Với nỗ lực của Việt Nam và sự giúp đỡ, hỗ trợ của các tổ chức quốc tế như: tổ chức bảo vệ môi trường, tổ chức bảo vệ động vật hoang dã thế

giới... các khu rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, một số vườn quốc gia như Yók don... đã được quy hoạch xác lập và tổ chức bảo vệ. Như đã nói ở trên Việt Nam và Campuchia đã có sự hợp tác để kiểm soát các hoạt động dân sinh có thể gây tác hại đến môi trường, hợp tác để bảo vệ rừng đầu nguồn, bảo vệ sự đa dạng sinh học... Nhưng do các cư dân bản địa trong khu vực có mức sống rất thấp, những phương kế sinh nhai của họ đang và sẽ còn tác động tiêu cực đến vấn đề môi trường, do đó muốn quản lý môi trường lâu bền, hai nước cần có chiến lược hợp tác cho mục đích xóa đói giảm nghèo cho người bản địa, có sự lồng ghép các mục tiêu quản lý và bảo vệ môi trường lâu bền... thì mới hy vọng ngăn chặn được các hoạt động dân sinh đang gây tác hại rất tiêu cực đến vấn đề môi trường...

3. Hợp tác khai thác hợp lý nguồn tài nguyên và quản lý môi trường trong vùng biển Đông.

Tất cả các vấn đề môi trường ở Biển Đông đều mang tính xuyên biên giới. Lãnh thổ các nước có thể phân chia nhưng Biển Đông với những đặc trưng hải dương và sinh thái là một vùng nước thống nhất. Với chế độ dòng chảy tự nhiên, các chất nhiễm bẩn có thể chảy từ nước này sang nước khác. Một vài nghiên cứu đã chỉ ra khả năng vận chuyển chất nhiễm bẩn xuyên biên giới theo các dòng chảy thay đổi do chế độ gió mùa. Phát triển du lịch và thương mại cũng là những hoạt động kinh tế mang chất nhiễm bẩn đến các quốc gia khác.

Hầu hết các vùng biển trong Biển Đông đều thuộc vào khu vực có tính đa dạng sinh học cao của thế giới. Việc bảo tồn đa dạng sinh học không chỉ có ý nghĩa cho khu vực mà còn mang tính toàn cầu. Ngoài ý nghĩa về sinh thái học, các hệ sinh thái như rừng ngập mặn, rạn san hô, thảm cỏ biển còn là nơi sinh sản và ương giống của nhiều thủy sinh vật. Đây chính là nơi cung cấp nguồn giống bổ sung cho trữ lượng của các loài khai thác. Điều cần chú ý là các vùng ương nuôi giống ở vùng biển ven bờ không chỉ tạo nên trữ lượng cho ngư trường gần bờ của từng quốc gia mà có thể cho các ngư trường xa bờ và của các quốc gia khác. Suy thoái rừng ngập mặn ở Việt Nam và Campuchia có thể ảnh hưởng đến sản lượng đánh bắt ở các vùng biển khác. Sự suy thoái của các rạn san hô, thảm cỏ biển còn có thể ảnh hưởng đến du lịch biển và làm mất nơi sống theo từng giai đoạn của các loài thủy sinh di cư.

Biển Đông chịu ảnh hưởng của nhiều con sông từ đất liền, trong đó có những sông chảy qua từ hai nước hoặc nhiều hơn. Các chất thải từ nông nghiệp có thể chuyển tải theo các dòng sông ra biển. Đã có ghi nhận về sự xuất hiện của chất thải hữu cơ trên sông Mekong. Lượng trầm tích đổ ra biển cũng từ các con sông và việc quản lý hạn chế của tất cả các nước xung quanh đều góp phần làm tăng lắng đọng trầm tích trong nước biển. Quản lý môi trường biển, như vậy, còn liên quan đến cả hoạt động trên đất liền của các quốc gia lân cận nhau.

Trong những năm qua, các cơ quan quản lý và khoa học của Việt Nam đã có nhiều nỗ lực nhằm cải thiện tình hình môi trường. Tuy nhiên, cần phải thừa nhận rằng chúng ta còn chưa đáp ứng được đòi hỏi của thực tiễn khi mà những

ưu tiên về kinh tế là áp lực lên mọi hoạt động của đời sống xã hội. Năng lực của Việt Nam và Campuchia về nghiên cứu và quản lý môi trường cũng còn hạn chế so với tầm khu vực và thế giới. Hợp tác quốc tế sẽ giúp chúng ta có được những kinh nghiệm, kể cả những bài học thất bại của các nước đi trước và tiếp thu những kiến thức, phương pháp tiên tiến về lĩnh vực môi trường.

Hiện nay, các nước ASEAN (Campuchia, Malaixia, Indonexia, Thái Lan, Philippin và Việt Nam) và Trung Quốc đang cùng nhau thực hiện dự án “Ngăn chặn xu thế suy thoái môi trường Biển Đông và vịnh Thái Lan” với nguồn tài trợ chủ yếu từ Quỹ Môi trường toàn cầu (GEF). Dự án này bao gồm các hợp phần về rừng ngập mặn, rạn san hô, thảm cỏ biển, đất ngập nước, ô nhiễm từ đất liền và quản lý nghề cá ở vịnh Thái Lan. Đây là cơ hội tốt để các nước hợp tác giải quyết các vấn đề liên đới.

Biển Đông đóng vai trò ngày càng quan trọng đối với công cuộc phát triển kinh tế của các nước trong khu vực. Thực tế là các hoạt động kinh tế ở vùng biển và ven biển của Việt Nam và Campuchia chưa hoàn toàn được qui hoạch dựa trên các thông số kinh tế - sinh thái. Cùng với tăng trưởng kinh tế, hàng loạt vấn đề môi trường đang nảy sinh. Việc giải quyết tốt các vấn đề môi trường sẽ là yếu tố quan trọng nhằm duy trì phát triển kinh tế bền vững và biến tiềm năng kinh tế của Biển Đông trở thành hiện thực. Bên cạnh việc phát huy nội lực của mỗi nước, hợp tác song phương, sự hợp tác quốc tế trong đó có hợp tác với các nước ASEAN là không thể thiếu được. Các lĩnh vực có thể và cần được hợp tác trong lĩnh vực môi trường biển nên tập trung vào các nước ASEAN được đề xuất như sau:

Giám sát và quản lý ô nhiễm từ đất liền: Ô nhiễm từ đất liền hiện nay chủ yếu từ nguồn phân bón, thuốc trừ sâu trong nông nghiệp, rửa trôi trầm tích và dinh dưỡng do phá rừng và khai phá đất đai và từ chất thải của các cơ sở công nghiệp. Hợp tác trong khuôn khổ Ủy ban sông Mêkong cần được duy trì và nâng cao. Hiện tại, ủy ban này đang có chương trình môi trường và chú trọng việc giám sát chất lượng nước và đánh giá tác động môi trường cũng như đào tạo về quản lý môi trường (Mekong River Commission, 2002). Những hoạt động này sẽ góp phần quan trọng trong việc kiểm soát chất thải từ nông nghiệp và lượng trầm tích thải ra từ con sông quốc tế này. Những kinh nghiệm của các nước trong khu vực cần được tham khảo cho chiến lược quản lý loại ô nhiễm ở Việt Nam và Campuchia. Thái Lan là quốc gia trong khu vực có đánh giá khá toàn diện ô nhiễm từ đất liền và đã có những chính sách nhằm quản lý và giám sát. Đối với chất thải công nghiệp, phạm vi ảnh hưởng hiện nay ở Việt Nam và Campuchia chưa đến mức khu vực nhưng rất đáng quan tâm ở một số điểm nóng. Việc giải quyết vấn đề này có thể học hỏi từ kinh nghiệm của Singapore nơi mà kiểm soát ô nhiễm đã đạt những kết quả tốt thông qua thực thi các luật lệ khá nghiêm túc.

Giám sát và quản lý ô nhiễm trên biển: Biển Đông là con đường vận tải biển quan trọng với số lượng lớn tàu thuyền qua lại. Đây là vấn đề đòi hỏi trách nhiệm của từng quốc gia trong việc kiểm soát chất thải từ tàu thuyền tại các

cảng của mình và sự hợp tác giữa các nước trong quá trình vận tải trên biển. Thực tế những năm qua đã cho thấy các vụ tràn dầu do tai nạn của tàu vận tải gây ra trên vùng biển Việt Nam. Tình trạng này cũng thường xuyên xảy ra trên Biển Đông và cùng với hoạt động của các giàn khoan dầu khí trên biển tạo nên nguy cơ tiềm năng đối với môi trường biển. Hợp tác của các nước ASEAN trong lĩnh vực này chủ yếu dựa vào các hướng dẫn của Tổ chức Hàng hải Quốc tế (IMO). Hiện nay, IMO đang tiến hành một số dự án trong khu vực theo mục đích này và Việt Nam cần được hoà nhập hơn nữa nhằm kiểm soát chặt chẽ tai biến do ô nhiễm và khắc phục sự cố, giảm thiểu thiệt hại về kinh tế và môi trường.

Biển Đông nằm trong khu vực có tính đa dạng sinh học vào loại cao nhất của hành tinh. Các đặc trưng sinh thái đòi hỏi sự hợp tác chặt chẽ giữa các nước xung quanh trong việc thực hiện một chiến lược chung nhằm bảo vệ các hệ sinh thái và tính đa dạng loài của vùng biển. Tiếp nối những kế hoạch hành động và chiến lược quốc gia về môi trường biển, dự án “ngăn chặn xu thế suy thoái môi trường Biển Đông và vịnh Thái Lan” sẽ soạn thảo chiến lược khu vực về quản lý các hệ sinh thái rừng ngập mặn, rạn san hô, thảm cỏ biển và đất ngập nước. Việc thực thi chiến lược sẽ phải tiến hành liên tục trong thời gian dài và không thể thiếu sự hợp tác giữa các quốc gia Đông Nam Á. Đây là vấn đề đòi hỏi xây dựng chương trình hợp tác đa phương với đóng góp của các quốc gia và hỗ trợ từ các tổ chức quốc tế lớn. Trong đó, kêu gọi tài trợ từ Quỹ Môi trường toàn cầu (GEF) và nguồn tài trợ khác là có thể do những lợi ích toàn cầu về đa dạng sinh học hoặc ý nghĩa của vùng nước quốc tế. Trung tâm Đa dạng Sinh học ASEAN với bảo trợ của EU có thể sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc phối hợp hoạt động của các nước trong khu vực. Các hợp tác song phương cũng có thể thực hiện và mang lại hiệu quả do sự đi trước của một số quốc gia Đông Nam Á trên một số lĩnh vực. Về bảo tồn và phục hồi các hệ sinh thái, hiện một số nước trong khu vực đã đạt những kết quả bước đầu và việc trao đổi kinh nghiệm thông qua các dự án chung có thể hữu ích cho Việt Nam và Campuchia. Trong đó, cần quan tâm đến những kết quả quản lý rạn san hô dựa trên cơ sở cộng đồng ở Philippin, sử dụng các hệ sinh thái cho phát triển du lịch bền vững ở Thái Lan, Malaixia, quản lý hệ sinh thái rừng ngập mặn ở Malaixia, phục hồi rạn san hô ở Philippines và Thái Lan. Về bảo tồn đa dạng loài, nhất là bảo vệ các loài quý hiếm, sự hợp tác giữa các quốc gia là điều tiên quyết cho hiệu quả hoạt động. Các vùng biển khác nhau trong khu vực là nơi sống cho các quần thể sinh vật mà giữa chúng có những mối liên hệ lẫn nhau ở các mức độ khác nhau. Chiến lược bảo tồn đa dạng loài cần được xây dựng trên các cơ sở khoa học vững chắc hơn mới mong mang lại hiệu quả thực sự. Một số loài quý hiếm còn có tập tính di cư xuyên biên giới. Việt Nam và Campuchia cần xây dựng chương trình hợp tác với các quốc gia lân cận như, Thái Lan, Malaixia về lĩnh vực bảo vệ các loài thủy sinh quý hiếm di cư như rùa biển, cá heo, dugong... Đây là mối quan tâm của nhiều tổ chức quốc tế như WWF, IUCN... và sự hỗ trợ của họ sẽ là những cầu nối liên kết giữa các quốc gia và tổ chức trong mỗi quốc gia.

Tình trạng khai thác thủy sản quá mức đang là vấn đề báo động trong toàn Biển Đông. Các quốc gia đều vạch ra các chương trình hành động hoặc giải pháp nhằm hạn chế tình trạng này. Tuy nhiên, tình trạng chưa được cải thiện đáng kể. Điều đó không chỉ làm suy giảm nguồn lợi, gây thiệt hại về kinh tế, làm tăng đói nghèo mà còn gây ra những hậu quả sinh thái nghiêm trọng. Nguồn lợi của Biển Đông phụ thuộc rất nhiều vào các hệ sinh thái ven bờ thuộc sự quản lý của từng quốc gia. Suy thoái các hệ sinh thái do khai thác để phát triển kinh tế (nuôi trồng, du lịch, xây dựng công trình biển...) cũng là hậu quả của việc khai thác tài nguyên biển quá mức. Việt Nam và Campuchia cần cùng các nước trong khu vực xây dựng chiến lược nghề cá bền vững cho toàn Biển Đông, quản lý tốt hoạt động khai thác vùng biển ven bờ của từng nước.

Hợp tác về thủy sản là một vấn đề liên quan nhiều lĩnh vực như biên giới lãnh thổ, ngư trường ngoài vùng đặc quyền kinh tế, khai thác bất hợp pháp, lợi ích quốc gia... Vì vậy, các chương trình hợp tác cần có vai trò lớn của các cơ quan chính phủ liên quan ở các nước. Riêng vấn đề quản lý những vấn đề môi trường do nuôi trồng thủy sản gây ra hiện đang tác động trong phạm vi địa phương và gây hại trực tiếp cho người lao động. Chúng ta có thể trao đổi kinh nghiệm, học hỏi những bài học mà các nước trong khu vực đã và thậm chí đang đúc rút nhằm tìm những giải pháp khả thi. Một việc cần hợp tác khu vực là quản lý chất lượng thủy sản xuất khẩu để hàng thủy sản ASEAN không mất chỗ đứng trên thị trường quốc tế.

Với mục tiêu bảo tồn đa dạng sinh học và duy trì nghề cá bền vững, việc thiết lập và quản lý tốt các khu bảo tồn biển với các hình thức đa dạng khác nhau đang là vấn đề được quan tâm không chỉ trong khu vực mà còn trên toàn cầu. Bên cạnh những khu bảo tồn biển lớn theo tiêu chí của Hiệp hội Bảo tồn Thiên nhiên (IUCN), các nước trong khu vực đang phát triển các dạng bảo tồn dựa trên cơ sở cộng đồng, bảo tồn gắn với du lịch... Việc hợp tác khu vực, trước hết, là xây dựng cơ sở khoa học vững chắc hơn cho việc lựa chọn và mục tiêu hoạt động của các khu vực thuộc các vùng địa lý và sinh thái khác nhau. Về vấn đề này, chương trình hợp tác đa phương giữa các nước trong khu vực sẽ bảo đảm cho một chiến lược thống nhất và đạt hiệu quả sinh thái cao. Sự hợp tác này không chỉ trong xây dựng cơ sở khoa học mà còn trong trao đổi kinh nghiệm, học hỏi các mô hình quản lý và áp dụng một cách phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của mỗi nước và đặc trưng sinh thái của từng vùng biển. Lĩnh vực này cũng có tiềm năng trong việc kêu gọi hỗ trợ tài chính từ các tổ chức tài chính quốc tế, các nguồn viện trợ chính phủ và phi chính phủ. Mặt khác, vai trò của các tổ chức phi chính phủ về bảo tồn thiên nhiên cần được đề cao trong việc trao đổi thông tin, dữ liệu, điều phối hoạt động trong khu vực. Đối với một số vùng biển lân cận giữa hai quốc gia trở lên, hợp tác để xây dựng các khu bảo tồn xuyên biên giới có ý nghĩa tích cực trong bảo tồn đa dạng sinh học, duy trì nguồn lợi và bảo tồn các loài quý hiếm.

Mỗi một vùng biển không chỉ chịu tác động môi trường của một loại hình hoạt động của con người hoặc thiên nhiên. Thực tế là các ngành kinh tế hoạch định các kế hoạch phát triển cho riêng mình và nhiều khi không tính đến phát

triển của các ngành khác. Những tác động của ngành này có thể làm thiệt hại về kinh tế cho các ngành khác do những rủi ro môi trường. Các vấn đề xã hội cũng chưa được quan tâm nhiều trong các kế hoạch phát triển kinh tế và quản lý môi trường. Chính vì vậy, việc quản lý tổng hợp đới ven biển (ICM) đang là một kiểu quản lý được đề cao hiện nay do giải quyết được xung đột lợi ích giữa các ngành kinh tế, giữa phát triển và bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, vấn đề hoàn toàn không đơn giản và chỉ là bước đầu trên phạm vi thể giới cũng như ở một số nước ASEAN. Đây cũng là lĩnh vực có thể thu hút tài trợ từ các tổ chức quốc tế và một số nước phát triển thông qua các dự án, chương trình hợp tác khu vực. Chiến lược quản lý tổng hợp đới ven biển luôn luôn gắn liền với các chương trình xoá đói giảm nghèo của các quốc gia. Chỉ khi đời sống của cộng đồng ven biển được cải thiện, tài nguyên thiên nhiên và môi trường mới được quản lý một cách hiệu quả. Về lĩnh vực này, nước ta đang có những bước đi tích cực và được đánh giá là tương đối tốt so với các nước trong khu vực. Tuy nhiên, việc kết hợp những cố gắng nội lực với sự hợp tác và hỗ trợ quốc tế, nhất là với các nước ASEAN trong việc thực hiện các dự án, chương trình dài hạn và mang tính tổng hợp vẫn còn hạn chế. Trong tình hình hiện nay, khi đường lối hợp tác giữa các nước ASEAN đang chú trọng vào việc nâng cao mức sống của nhân dân trong sự phát triển bền vững đã được khẳng định, sự hợp tác nhằm thực hiện chiến lược quản lý tổng hợp đới ven biển sẽ bảo đảm cho sự phát triển của từng quốc gia và cả khu vực.

Ngoài sự hợp tác đa phương như vừa trình bày, Việt Nam và Campuchia cần hợp tác song phương để khai thác hợp lý các nguồn lợi và bảo vệ môi trường Biển Đông, đặc biệt là bảo vệ sự đa dạng sinh học tại khu rừng ngập mặn rất phong phú ở Việt Nam và Campuchia.

Tài liệu tham khảo

1. UNEP, 1997. *Báo cáo hiện trạng môi trường ASEAN lần I*. Ban Thư ký ASEAN, Jakarta.
2. ASEAN Secretariat, 1997. *ASEAN Statistical Indicators*. ISEAS.
3. ESCAP, 1995. *State of Environment in Asia and Pacific*. Bangkok.
4. Bộ Ngoại giao Việt Nam, 1998. *Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á*. NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
5. ADB, 1994. *Managing Water Resources to Meet Megacity Needs*. Proceedings of Regional Consultation, Manila.
6. FAO, 1990. *Review of the State of World Fishery Resources*. Rome
7. Nguyễn Chu Hồi, 2000. Nhìn lại 5 năm hợp tác với ASEAN trong lĩnh vực môi trường biển và vùng ven bờ. *Báo cáo tại Hội nghị tổng kết 5 năm Việt Nam hợp tác với ASEAN trong lĩnh vực môi trường*, Hà Nội.
8. WRI, 1994. *World Resources 1994-1995. A Guide to the Global Environment*, Oxford University Press.
- K.Hotta and others, 1999. *Coastal Management in Asia-Pacific Region: Issues and Approaches*. Tokyo